

Có thể thu hút trên 10 tỷ USD để thực hiện đại đầu tư

TS. LÊ KHOA

1. Dự án chương trình đại đầu tư 10 tỷ USD

Ước một năm cân tài chính dư vài tỷ USD, từ 1996 đến nay đã hạn chế được mức nhập siêu trên dưới còn 1 tỷ USD, năm 2002 số nhập siêu có tăng cũng chỉ là 2 tỷ nên số dư của cân thanh toán dưới dạng USD mỗi năm mỗi tăng thêm trong lưu hành và trong trang trải. Từ 1997 đến nay, trong hơn 6 năm, số dư ngoại tệ tồn đọng là bao nhiêu? Bình quân mỗi năm dư 2 tỷ, thì trong 6 năm dư cũng 12 tỷ USD. Số ước này phù hợp với các con số thống kê về tỷ lệ tiền gửi ngân hàng bằng USD mỗi năm mỗi tăng, chỉ riêng tại TP. HCM hay Hà Nội, chưa kể các tỉnh khác tại Việt Nam, tiền gửi bằng USD vào cuối năm 2002 ở mỗi nơi này khoảng trên 5 tỷ USD. Nếu cộng thêm số tiền USD trong tay người dân và trong các doanh nghiệp ở TP. HCM và Hà Nội, có thể tạm ước số USD lưu hành tại Việt Nam hiện nay khoảng trên dưới 20 tỷ USD.

Dĩ nhiên là nhờ có số tiền này, VN sẽ cảm thấy an toàn hơn trong thanh toán quốc tế. Tuy nhiên, cũng có một số bất lợi là tiền USD cũng chỉ là 1 loại tiền giấy mà thôi, mỗi năm mỗi mất giá cũng như bất cứ loại tiền giấy nào khác. Thứ hai là nó chiếm chỗ của đồng bạc Việt Nam, giả như không có số tiền trên lưu hành thì Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có thể lưu hành một số tiền Việt Nam tương ứng mà không gây lạm phát. Nó cho phép các ngân hàng Mỹ lưu hành thêm 20 tỷ USD tại Việt Nam và mua hàng hóa dịch vụ tại Việt Nam mà không phải trả bất cứ điều gì. Ngoài ra, một số người xấu có thể mua gom đồng USD đem ra nước ngoài tẩu tán tài sản, nhập khẩu các hàng quốc cấm như văn hóa đồi trụy, ma túy và các chất nổ, các hàng tiêu dùng cạnh tranh lại hàng nội.

Để biến các bất lợi trên thành ưu thế, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các ngân hàng thương mại có thể lưu hành, dưới dạng bút tệ hay tiền mặt, một số tiền Việt Nam tương ứng khá lớn, bằng với vài chục tỷ USD x tỷ giá tính tròn 15.500 đ/USD. Nếu tiền Việt Nam thay được cho 10 tỷ USD thì ngân hàng phát hành được thêm 155.000 tỷ đồng, nếu thay được 20 tỷ, số tiền phát hành thêm là 310.000 tỷ đồng. Số tiền này có thể được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hay các ngân hàng thương mại ứng cho ngân sách và các doanh nghiệp vay để thực hiện đại đầu tư mà không gây trên bình diện toán học tình hình lạm phát, vì đồng bạc Việt Nam chỉ lấy lại vị trí của mình là tiền Việt Nam được pháp luật Việt Nam công nhận có giá trị thanh toán 100%.

Trong lưu thông và trang trải ở Việt Nam tiền Việt Nam với các đồng USD có giá trị như nhau. Nhưng trên mặt bình diện quốc tế, thì sự phân biệt rất rõ ràng: tiền Việt Nam chỉ được công nhận có giá trị trang trải tại Việt Nam nhưng không có giá trị thanh toán trên thị trường quốc tế. Giả tỷ Việt Nam muốn nhập một nhà máy lọc dầu toàn bộ từ A đến Z chìa khóa trao tay, trị giá 1,2 tỷ USD, và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam in và cho lưu hành 1,2 tỷ USD x 15.500

VND/USD (tính tròn), hay 18.600 tỷ đồng Việt Nam để thanh toán cho các doanh nghiệp nước ngoài bán cho Việt Nam "nhà máy lọc dầu chìa khóa trao tay" này, thì không nhà cung cấp nước ngoài nào nhận số bạc Việt Nam này để xây cho Việt Nam một nhà máy lọc dầu 6 triệu tấn năm cả, vì tiền Việt Nam không có giá trị lưu thông trên thị trường quốc tế. Nhưng nếu ngân hàng dùng số 18.000 tỷ đồng Việt Nam ngay trong nước để thu mua 1,2 tỷ USD đang lưu hành trôi nổi trong nước và ứng số tiền 1,2 tỷ USD này cho một công ty phụ trách xây nhà máy lọc dầu 6 triệu tấn sản phẩm nằm trên đây, thì rất nhiều công ty ở các nước Đức, Nhật, Mỹ, Đài Loan v.v... sẽ xin tham gia thầu xây dựng nhà máy, vì tiền USD được công nhận có giá trị khắp trên thế giới. Muốn đầu tư 10 tỷ USD, thì ngân hàng phải tung ra tối thiểu 15.500 đồng x 10 tỷ = 155.000 tỷ đồng để thu mua 10 tỷ USD ứng cho các doanh nghiệp có nhiệm vụ thực hiện các dự án đại đầu tư.

Về kỹ thuật, ngân hàng mở 1 tài khoản "Quỹ đầu tư USD" và được phép phát hành thêm 155.000 tỷ đồng để mua 10 tỷ USD. Số ngoại tệ này sẽ được bán cho các doanh nghiệp có nhiệm vụ thực hiện các chương trình đầu tư có liên quan. Để có thể mua nhiều USD, có thể áp dụng tỷ giá tiền thưởng 30-50 đ thêm cho mỗi USD kiều hối hay du khách. Hoặc thành lập những "khu bán hàng thu tiền USD", giá rẻ nên có khả năng thu được nhiều USD vào ngân hàng. Do đồng USD cất giữ dễ, các nguồn USD như đầu tư chui, kiều hối, USD du khách đều nằm ngoài ngân hàng nên phương pháp lý tưởng thu hút được nhiều USD trôi nổi vào ngân hàng là phương pháp mua cao hơn tỷ giá thị trường độ vài chục đồng mỗi USD. Do đó, trên thực tế, số tiền lưu hành thêm sẽ bằng số USD mua được nhân cho tỷ giá, cộng với sai biệt tỷ giá được áp dụng khi mua các USD trôi nổi và kiều hối.

2. Tính thực thi và không gây lạm phát của chương trình trên

Việc in và cho lưu hành thêm

155.000 tỷ đồng, (cộng thêm sai biệt tỷ giá) để thu mua 10 tỷ USD thực hiện đại đầu tư, không gây lạm phát vì 155.000 tỷ đồng chỉ là nhiệm vụ tiền tệ thay cho số 10 tỷ USD đang lưu hành và làm nhiệm vụ tiền tệ thay cho đồng bạc Việt Nam.

Việt Nam không cố tạo thêm tiền mới và làm tăng thêm lượng tiền tệ lưu hành do khối tiền lưu hành ở Việt Nam hiện nay gồm có cả vừa đồng USD và đồng Việt Nam, 2 thứ tiền này đều có giá trị thanh toán tiết kiệm gửi ngân hàng y như nhau. Có thể dùng các phương trình Fisher sau đây để ước tính hình biến đổi giá cả:

- Khối tiền 100 (100% là VND) x tốc độ lưu hành tiền = Giá x hàng (I)

- Khối tiền 100 (USD 40% và đồng VN 60%) x tốc độ lưu hành tiền = Giá x hàng (II)

- Khối tiền 100 (USD 30% và đồng VN 70%) x tốc độ lưu hành tiền = Giá x hàng (III)

Trong 3 phương trình trên khối tiền đều có giá là 100 và tốc độ lưu hành của tiền không thay đổi nên giá vẫn không tăng. Phương trình I diễn tả tình hình trong nước VN chỉ có tiền VN được lưu hành. Tình hình này dĩ nhiên không còn và chúng ta đã chuyển sang tình hình hiện nay, ước đô la hóa 30-40% tiền gửi còn tiền VN gửi ước 60-70% (PT II & III). Nếu đổi thành phần này xuống dưới mức đô la hóa 30% (như 12%) tiền Việt Nam tương ứng lên trên 88% thì khối lượng tiền tệ vẫn giữ nguyên và trên nguyên lý thì lạm phát không xảy ra mặc dù ngân hàng đã tung ra trên 150.000 tỷ đồng tiền Việt để mua 10 tỷ USD đại đầu tư.

Thật ra tùy đúng về toán học nhưng các phương trình Fisher cần bổ sung thêm tác dụng tâm lý. Theo Gaetan Pirou thì khối tiền là 1 kim tự tháp lật ngược, vàng và ngoại tệ giữ vai trò tạo lòng tin, do trong phương trình I không có vàng và ngoại tệ tạo lòng tin, nên tiền có khả năng lớn bị mất giá. Phương trình II và III có tỷ lệ bảo đảm 40-30% bằng ngoại tệ nên lòng tin được bảo đảm. Một số nhà kinh tế cho rằng tỷ lệ 8-15% tiền gửi cũng đủ đảm bảo khả năng

trang trải quốc tế. Phương trình II và III, có tỷ lệ bảo đảm 40-30% đều vượt mức đảm bảo cần thiết 8-15%. Ngoài ra, do thực hiện chương trình đại đầu tư đến 10 tỷ USD, nên khối lượng hàng tăng rất mạnh. Hàng tăng kéo giá xuống nên việc chọn phương trình III không tác dụng lạm phát mà lại có tác dụng làm hạ giá hàng và nâng cao mức sống, tạo công ăn việc làm rất rõ.

3. Những điều kiện để thực hiện chương trình

Ngân hàng chỉ có nhiệm vụ cho lưu hành thêm tiền Việt để mua 10 tỷ USD, còn việc lập chương trình đại đầu tư, thành lập các công ty có nhiệm vụ lập các nhà máy là công việc của các Bộ khác đặc biệt là Bộ kế hoạch đầu tư, các Bộ công nghiệp, Giao thông vận tải v.v... Việc nhập khẩu máy và vật tư là công việc của Bộ thương mại. Việc thực thi các dự án đầu tư là công việc của các doanh nghiệp, vừa quốc doanh, vừa tư nhân cùng làm. Tất cả phải hoạt động nhịp nhàng thì tác dụng phát triển mới xảy ra. Ở Nhật trong thời gian phát triển nhanh 1950-1975, Bộ kế hoạch đầu tư có tên là Miti vừa làm công việc của Bộ thương mại, vừa kiêm công việc kế hoạch đầu tư. Khi soạn thảo kế hoạch, luôn luôn Miti hội ý chặt chẽ với đại diện ngân hàng và các đại diện của các cửa các tổng công ty trong nước. Các tổng công ty này mỗi năm mỗi đề nghị một số dự án đầu tư. Khi các dự án này được Miti chấp thuận thì ngân hàng cũng nhận cấp đủ vốn và ngoại tệ cho các doanh nghiệp và Miti cũng cấp cho họ giấy phép nhập khẩu đủ số máy và vật tư cần thiết. Do đó, các kế hoạch ở Nhật vừa có tính dự phòng, vừa được cấp phương tiện thi hành: giấy phép lập nhà máy, giấy phép nhập khẩu máy và vật tư, vốn vay bằng tiền nội và ngoại tệ cần thiết để nhập vật tư. Các kế hoạch ở Nhật do đó có khả năng thực hiện cao. Ở ta cũng nên áp dụng cũng nên áp dụng phương pháp phối hợp chặt chẽ các bộ và các tổng công ty trên đây của Nhật.

Nên áp dụng chế độ đa tỷ giá (mua đồng USD kiểu hối, du khách

và trôi nổi cao hơn tỷ giá ngân hàng, mới có khả năng thu hút được nhiều USD vào ngân hàng, nên ban hành Luật các giao dịch thanh toán trên 5 triệu đồng tiền Việt nếu thực hiện bằng séc hay thương phiếu thì được miễn thuế con niêm, còn thực hiện bằng tiền mặt, USD thì phải dán con niêm trị giá 0,2% số của thanh toán. Hai điều luật này rất cần thiết để tạ Việt Nam tiền Việt chiếm lại vị tr chinh trong thanh toán và đồng USD được ưu tiên dành trong thanh toán với quốc tế qua ngân hàng.

4. Có khả năng lập chương trình đại đầu tư không?

Trước đây, các chương trình đại đầu tư của ta thực hiện bằng vốn một phần nhỏ trong nước còn phần lớn được vay ở nước ngoài. Nay chương trình được thực hiện bằng 10 tỷ USD tiền mặt sở hữu Việt Nam. Do đó, các doanh nghiệp nước ngoài dễ dàng cho vay thêm, cứ 1 tỷ USD tự có ta có thể đặt mua các nhà máy có trị giá 3-4-5 tỷ USD thanh toán sau với sản phẩm do chính nhà máy sẽ làm ra các năm sau.

Ngày nay, công nghiệp cơ khí, lắp ráp, các nhà máy làm xi măng, sắt thép, xây dựng của nước ta đã có một số tiến bộ xa so với thời kỳ các năm 80. Rõ ràng rằng không cần nhập khẩu 100% máy vật tư từ nước ngoài mà có thể tự làm lấy, trang bị lấy từ 30% đến 60-70%. Như vậy không nhất thiết phải chi 100% bằng ngoại tệ để thực hiện đại đầu tư mà có thể giảm xuống tùy theo khả năng nội hóa và sử dụng phương tiện nhân lực vật tư máy nôi.

Các chương trình thành lập các nhà máy lớn thường trải ra trong nhiều năm. Chương trình nhà máy lọc dầu Dung Quất, 6 triệu tấn sản phẩm, tổng đầu tư trị giá 1,2 tỷ USD được trải ra hàng 5-6 năm. Do đó không phải đầu tư 10 tỷ USD ngay trong năm đầu mà với số tiền 10 tỷ USD có thể đầu tư được trong vòng 3-4 năm những số tiền đến 30-40 tỷ USD, trong đó phần trên 10 tỷ USD là tiền vay các nhà cung cấp nước ngoài và tiền mặt VND dành để trả cho các nhà cung cấp trong nước ■